

Kinh nghiệm quốc tế về thu phí môi trường đối với khí thải ở một số nước OECD

Ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm không khí, là vấn đề nghiêm trọng mà các quốc gia đang phải đối mặt. Trong bối cảnh thế giới hướng tới tăng trưởng xanh, nhiều nước sử dụng phí bảo vệ môi trường để giảm thiểu các chất thải gây ô nhiễm môi trường. Bài viết này tập trung nghiên cứu kinh nghiệm thu phí môi trường đối với khí thải ở một số nước nhằm cung cấp những nội dung liên quan đến đối tượng chịu phí, nộp phí, mức phí và việc sử dụng nguồn thu phí... từ đó đưa ra một số đề xuất cho Việt Nam.

1. Đối tượng chịu phí và đối tượng nộp phí môi trường đối với khí thải

Phần lớn các quốc gia thu phí đối với các chất thải gây ô nhiễm không khí phát sinh từ các cơ sở sản xuất, các nhà máy (nguồn cố định), từ phương tiện đi lại (nguồn lưu động)... Các chất thải gồm một số loại khí đặc trưng như bụi, carbon monoxit (CO), Nitơ oxit (NO_x), lưu huỳnh dioxit (SO_2)... Tại Armenia¹, từ năm 2000 đối tượng chịu phí là 10 chất thải gây ô nhiễm phát

1 OECD (2004), *Environmental Pollution and Product Charges in Armenia: Assessment of Reform Progress and Directions for Further Improvement*.

ra từ nguồn cố định gồm: Bụi vô cơ², CO, NO_x, SO₂); Clo (Cl); Chloropren (C₄H₅Cl); Oxit crome (CrO₃); Formaldehyde (HCNO); Toluene (C₆H₅CH₃); Xylol (C₆H₄(CH₃)₂). Đối tượng chịu phí là những chất thải gây ô nhiễm phát ra từ nguồn lưu động gồm hai loại: (i) Phương tiện được đăng ký tại Armenia chịu phí một lần/năm, là một trong những điều kiện để nhận chứng chỉ kiểm tra kỹ thuật của xe; (ii) Phương tiện không được đăng ký tại Armenia nhưng mỗi lần nhập cảnh vào Armenia đều phải chịu phí.

Tại Hàn Quốc³, từ năm 1983, các đối tượng chịu phí bao gồm bụi lơ lửng, SO₂, NH₃... đối tượng nộp phí là các cơ sở sản xuất - kinh doanh. Tuy nhiên, các công ty nhỏ và những cơ sở sản xuất - kinh doanh sử dụng mức độ lưu huỳnh thấp được miễn phí. Từ tháng 7/1996, đối tượng chịu phí là tất cả các loại khí thải (bao gồm những loại khí thải trong tiêu chuẩn cho phép). Tại Nga, phí môi trường được áp dụng đối với 214 loại khí thải và 197 loại nước thải. Tại Kazakhstan, phí môi trường được áp dụng đối với 1.217 loại khí thải và 1.345 loại nước thải.

Tại Thụy Điển⁴, năm 1992 phí môi trường được áp dụng đối với khí thải NO_x phát ra từ nguồn cố định (nhà máy điện, nhà máy công nghiệp, lò đốt chất thải...) nhằm giảm bớt lượng khí thải, khuyến khích đầu tư và nâng cao công nghệ đốt và xử lý ô nhiễm. Đối tượng chịu phí được từng bước mở rộng nhằm bao quát hết được số lượng lớn các cơ sở, nhà máy công nghiệp. Trong vòng 20 tháng sau khi áp dụng thu phí, cường độ phát thải

2 Bụi vô cơ là loại bụi có nguồn gốc từ khoáng sản chứ không phải các yếu tố sinh học (hợp chất hữu cơ), sau nhiều năm tiếp xúc và hít phải loại bụi này có thể dẫn tới viêm phổi.

Nguồn: <https://radiopaedia.org/articles/inorganic-dust>.

3 OECD (2006), *OECD Environmental Performance Reviews: Korea 2006*; OECD (2017), *OECD Environmental Performance Reviews: Korea 2017*.

4 OECD (2014), *OECD Environmental Performance Reviews: Sweden 2014*.

từ sản xuất năng lượng đã giảm 50%. Lượng khí NO_x đã giảm khoảng 35%.

New Zealand áp dụng thuế các bon đối với khí CO₂ và các khí thải nhà kính khác phát ra từ các hoạt động cung cấp và sử dụng nhiên liệu hóa thạch, sản xuất công nghiệp... Hoa Kỳ không áp dụng phí đối với khí thải mà áp dụng phí đối với việc cấp giấy phép phát thải khí nhằm trang trải chi phí hành chính của các chương trình bảo vệ môi trường được Cơ quan bảo vệ môi trường chấp thuận.

Bảng 1. Một số loại thuế/phí riêng biệt đối với từng loại khí thải ở một số quốc gia

Loại thuế/phí đối với khí thải	Đan Mạch	Phần Lan	Iceland	Na Uy	Thụy Điển
Thuế CO ₂ đối với nhiên liệu dầu	X	X	X	X	X
Thuế CO ₂ đối với nhiên liệu từ phương tiện giao thông	X	X	X	X	X
Thuế SO ₂	X			X	X
Phí NO _x	X			X	X

Nguồn: OECD (2014)

2. Mức thu và căn cứ tính phí môi trường đối với khí thải

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, phí cao hay thấp phụ thuộc vào mức độ độc hại mà loại khí đó gây ra cho môi trường. Rất nhiều quốc gia áp mức phí khá cao đối với các loại khí thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhằm tạo giảm thiểu ô nhiễm không khí và điều chỉnh mức phí theo lạm phát.

Tại Armenia, mức phí đối với các chất thải gây ô nhiễm không khí từ các nguồn cố định được xác định căn cứ trên mức độ độc hại của khí thải và tiêu chuẩn chất lượng không khí, đồng

Bảng 2. Phí đối với chất thải gây ô nhiễm không khí từ nguồn cố định ở Armenia

Chất thải gây ô nhiễm không khí	AMD/tấn	
	1998	2000
CO	30	80
NO _x	2.250	7.400
SO ₂	1.800	600
Toluene	150	500
Chlorine	3.000	6.000
Chloroprene	45.000	45.000
Chromium oxide	60.000	18.957.000
Xylol	450	1.500
Formaldehyde	30.000	23.400

Nguồn: OECD (2004)

ngĩa với việc tiêu chuẩn môi trường càng chặt chẽ thì tỷ lệ tính phí càng cao.

Mức phí đối với các chất thải gây ô nhiễm không khí từ các nguồn lưu động là các phương tiện đã đăng ký tại Armenia phụ thuộc vào mã lực của từng loại xe. Năm 1999, mức phí khoảng 1350 AMD đối với xe ô tô nhỏ và 36.000 AMD đối với xe tải lớn.

Mức phí đối với các chất thải gây ô nhiễm không khí từ các nguồn lưu động là các phương tiện không được đăng ký tại Armenia phụ thuộc vào loại xe và khả năng chờ hàng.

Tại Hàn Quốc, phí môi trường được sửa đổi vào năm 1991 và từ đó được điều chỉnh theo lạm phát.

Tại Georgia, mức phí đối với khí CO là khoảng 0,01 USD/tấn; đối với benzo(a)pyrene - chất khí có khả năng gây ung thư là 3,2 triệu USD/tấn. Tại Đan Mạch, mức phí đối với khí SO₂

Bảng 3. Mức phí môi trường cho từng loại phương tiện đã đăng ký tại Armenia

Mã lực (M)	Mức phí (AMD)
Dưới 50 M	10 x M
50 M - 80 M	20 x M
81 M - 100 M	30 x M
101 M - 150 M	40 x M
151 M - 200 M	50 x M
201 M - 250 M	60 x M
251 M - 300 M	70 x M
Trên 300 M	100 x M

Nguồn: OECD (2004)

Bảng 4. Mức phí môi trường cho từng loại phương tiện không được đăng ký tại Armenia

Phân loại phương tiện	Mức phí (AMD)
Phương tiện chở hành khách	
Xe khách	2.500
Xe buýt dưới 12 chỗ ngồi	5.000
Xe buýt trên 12 chỗ ngồi	10.000
Khả năng chuyên chở	
Dưới 8 tấn	5.000
8 - 20 tấn	10.000
Trên 20 tấn	15.000

Nguồn: OECD (2004)

Bảng 5. Phí môi trường đối với khí thải tại Hàn Quốc

	Đơn vị (1 kg = 1000 m ³)	Mức phí ^a (USD/đơn vị tính)	Mức phí không thay đổi từ năm
Bụi lơ lửng	Kg	0,67	1991
SO _x	Kg	0,44	1991
Ammonia	Kg	1,22	1983
Carbon bi-sulphide	Kg	6,46	1983
Hydrogen sulphide	Kg	5,24	1983
Chlorine	Kg	6,46	1983
Fluoride compounds	Kg	2,01	1991
Hydrogen chloride	Kg	6,46	1983
Hydrogen cyanide	Kg	6,37	1983
Nitrogen	Kg	0,43	2003

*Chú thích: a. Mức phí từ 1/1/2005
Nguồn: OECD (2006)*

khoảng 1,250 USD/tấn trong năm 2001. Tại Thụy Điển, mức phí đối với NO_x được tăng từ 40 SEK/kg lên 50 SEK/kg trong năm 2009, sau đó được điều chỉnh theo lạm phát.

Tại New Zealand, việc tính thuế căn cứ vào khối lượng năng lượng gây phát thải các loại khí gây ô nhiễm trong quá trình sử dụng chứ không căn cứ vào khối lượng khí thải. Mức thuế làm tăng giá thành sản phẩm năng lượng gây phát thải các loại khí ô nhiễm⁵, từ đó hạn chế việc sử dụng các loại năng lượng này. Tại Hoa Kỳ, mức phí tối thiểu là 25 USD/tấn khí thải độc (trừ khí

5 A Government Consultation Paper (2005), *Implementing the Carbon Tax*, ISBN 0-478-27125-5, First published in May 2005 by the Policy Advice Division of the Inland Revenue Department, <https://taxpolicy.ird.govt.nz/sites/default/files/2005-dd-carbon-tax.pdf>.

CO) và được điều chỉnh theo lạm phát. Căn cứ vào đó, mỗi bang đặt ra mức phí riêng nhằm trang trải chi phí hoạt động của chương trình bảo vệ môi trường.

3. Nguồn thu phí môi trường đối với khí thải

Phần lớn số thu phí môi trường đối với khí thải được sử dụng cho mục đích cải thiện môi trường. Tại Armenia, số thu phí môi trường đối với khí thải từ các nguồn lưu động cao hơn số thu từ nguồn cố định do mức phí đối với nguồn lưu động và lượng khí thải phát ra từ các nguồn lưu động đều cao hơn rất nhiều so với các nguồn cố định. Năm 2002, khí thải từ phương tiện giao thông chiếm 87% tổng lượng khí thải; khoảng 93% nguồn thu phí đối với khí thải phát ra từ nguồn cố định liên quan đến bụi vô cơ, NO_x và SO₂; khoảng 3% từ CO.

Ban đầu, nguồn thu từ phí đối với khí thải chủ yếu được dùng để cải thiện nguồn nước, chi cho hoạt động xử lý chất thải, bảo vệ thiên nhiên, thông tin và giáo dục về môi trường, chi cho quản lý hành chính... sau đó được chi trực tiếp cho việc cải thiện chất lượng không khí.

Tại Thụy Điển, nguồn thu phí đối với NO_x được hoàn trả một phần cho các nhà máy dựa trên mức năng lượng mà nhà máy sử dụng. Tuy nhiên, cơ chế phân bổ nguồn thu phí này chưa thực sự phát huy được hiệu quả, làm phát sinh một khoản trợ cấp ngầm có lợi cho các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, dẫn tới sự phân bổ sai lệch về nguồn lực kinh tế⁶.

6 Chi phí hành chính liên quan đến phí NO_x xấp xỉ 1,5 triệu SEK/năm và hơn 99% nguồn thu từ phí này được hoàn trả cho các ngành công nghiệp bị ảnh hưởng.

Nguồn: <https://ieep.eu/uploads/articles/attachments/272d334d-c78b-4da6-8e39-f3259a6e8058/SE%20NOx%20SO2%20Tax%20final.pdf?v=63680923242>.

Ở nhiều quốc gia, phần lớn nguồn thu phí từ khí thải chủ yếu được phân cấp cho địa phương để cung cấp dịch vụ công cải thiện môi trường.

Bảng 6. Phân cấp nguồn thu phí đối với khí thải và nước thải ở một số quốc gia

Quốc gia	Phân cấp cho các cấp chính quyền
Armenia	100% thuộc cấp chính quyền trung ương Các chương trình môi trường khu vực được tài trợ từ nguồn thu phí đối với khí thải và nước thải
Azerbaijan	100% thuộc cấp chính quyền trung ương
Belarus	Quỹ môi trường: 10% thuộc cấp chính quyền trung ương 90% còn lại thuộc cấp chính quyền địa phương
Georgia	100% thuộc cấp chính quyền địa phương
Kazakhstan	Trước năm 2002, nguồn thu từ các khoản phí ô nhiễm phân chia 50 - 50 giữa cấp trung ương và cấp địa phương; từ năm 2002, cấp địa phương được hưởng 100% nguồn thu từ phí ô nhiễm
Moldova	Toàn bộ nguồn thu từ phí ô nhiễm thuộc về Quỹ môi trường của địa phương
Nga	19% thuộc về cấp liên bang 81% thuộc về cấp bang/địa phương
Ukraine	20% thuộc về Quỹ môi trường sinh thái của địa phương (cấp huyện, xã) 50% thuộc về Quỹ môi trường sinh thái của tỉnh 30% thuộc về Quỹ môi trường sinh thái của cấp trung ương

Nguồn: OECD (2003)

4. Một số khuyến nghị cho Việt Nam

Đối tượng chịu phí và nộp phí

Việt Nam cần xác định rõ đối tượng chịu phí môi trường là các loại chất thải gây ô nhiễm nào (hiện nay trên thế giới có quốc gia thu phí riêng đối với từng loại chất thải nhưng cũng có quốc gia quy định thu phí đối với hầu hết các chất thải); cân nhắc áp dụng phí môi trường đối với loại khí thải nào là chủ yếu dựa trên mức độ gây hại của khí thải đó đối với môi trường. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần xác định những nguồn phát thải khí là nguồn lưu động hay nguồn cố định để xác định đối tượng nộp phí cho phù hợp.

Mức phí và căn cứ tính phí đối với khí thải

Mức phí cần được tính toán cho phù hợp, dựa trên các định mức tiêu chuẩn khí thải môi trường của quốc gia, khối lượng phát thải ra môi trường, đặc biệt khi khối lượng vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép. Trên thế giới, phí môi trường được tính theo khối lượng khí thải ra môi trường (tấn/lít), theo mã lực động cơ của các phương tiện giao thông hoặc theo khối lượng nhiên liệu đã được sử dụng để tạo ra khí thải đó. Mức phí nên được áp dụng riêng cho từng loại khí thải, theo từng nguồn phát thải (từ cơ sở sản xuất - kinh doanh hoặc từ các phương tiện giao thông) và được điều chỉnh linh hoạt theo lạm phát nhằm thích ứng với tình hình kinh tế - xã hội.

Nguồn thu phí từ khí thải

Việt Nam cần xác định mục tiêu sử dụng nguồn thu phí từ khí thải là để cải thiện môi trường, hướng tới phát triển bền vững, không dùng cho mục đích khác nhằm nâng cao tính minh bạch của khoản thu. Nguồn thu từ phí đối với khí thải cần được phân cấp cho địa phương nhiều hơn nhằm tăng tính hiệu quả trong cung cấp dịch vụ công.

Phạm Thị Thu Hồng

Tài liệu tham khảo

1. OECD (2004), *Environmental Pollution and Product Charges in Armenia: Assessment of Reform Progress and Directions for Further Improvement*.
2. <https://radiopaedia.org/articles/inorganic-dust>.
3. OECD (2006), *OECD Environmental Performance Reviews: Korea 2006*; OECD (2017), *OECD Environmental Performance Reviews: Korea 2017*.
4. Woosuk Jung (2017), *South Korea's Air Pollution: Gasping for Solutions*, <http://isdpeu/content/uploads/2017/06/2017-199-south-korea-air-pollution-1.pdf>.
5. MOE (2015a), *Environment Review 2015, Korea*.
6. OECD (2014), *OECD Environmental Performance Reviews: Sweden 2014*.
7. OECD (2013), *The Swedish Tax on Nitrogen Oxide Emissions: Lessons in Environmental Policy Reform*.
8. OECD (2017), *OECD Environmental Performance Reviews: New Zealand 2017*.
9. <https://www.epa.gov/title-v-operating-permits/permit-fees>.
10. A Government Consultation Paper (2005), *Implementing the Carbon Tax*, ISBN 0-478-27125-5, First published in May 2005 by the Policy Advice Division of the Inland Revenue Department, <https://taxpolicy.ird.govt.nz/sites/default/files/2005-dd-carbon-tax.pdf>.
11. <https://ieep.eu/uploads/articles/attachments/272d334d-c78b-4da6-8e39-f3259a6e8058/SE%20NOx%20SO2%20Tax%20final.pdf?v=63680923242>.